TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/DS-ST
Ngày 25/3/2026
V/v "tranh chấp hợp đồng vay".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Đẹp.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Hoàng Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2025/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2026, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST-DS, ngày 03/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị L, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số B, Trần Văn V, khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số E, Nguyễn H, khóm P, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà L có mặt, bà T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Lưu Thị L trình bày:

Bà quen biết bà T do con bà học chung lớp với con bà T. Ngày 02/01/2025, bà có chuyển khoản từ tài khoản 3637040148379 của bà tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1 chi nhánh S (P) cho bà T vay 5.000.000đ, theo số tài khoản của bà T 070006350461 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) – Phòng G, vay không lãi suất, bà T vay tiền để xoay sở công việc. Bà T hẹn 10 ngày trả, đến ngày 11/11/2025 bà T có trả cho bà 500.000đ, còn 4.500.000đ đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu bà T trả gốc 4.500.000đ, không yêu cầu lãi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T nhưng đương sự không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cũng không gởi văn bản phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, từ đó cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình trong vụ án này.

Phát biểu của Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị L: Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L 4.500.000đ.

Án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên mức án phí theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L yêu cầu bà T có trách nhiệm trả vốn 4.500.000đ, xét bà T hiện đang cư trú tại phường S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng

mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Từ trước đến nay bà L với bà T không có giao dịch, mua bán hàng hóa hay vay tiền với nhau nhưng do con bà T học cùng lớp con bà L nên vào ngày 02/01/2025, bà L có chuyển khoản từ tài khoản số 3637040148379 của bà L tại Ngân hàng thương mại cổ phần T1 và phát triển chi nhánh S (P) đến số tài khoản của bà T số 070006350461 tại Ngân hàng S1 (S2) để cho bà T vay số tiền 5.000.000đ. Tại các bản sao kê của các Ngân hàng xác nhận việc bà L cho bà T vay là có thật, bà L thực hiện đúng thoả thuận là đã chuyển vào tài khoản của bà T số tiền 5.000.000đ và ngày 11/11/2025 bà T có trả cho bà L 500.000đ. Điều này chứng tỏ bà T có vay số tiền 5.000.000đ của bà L nên đã trả 500.000đ, còn 4.500.000đ đến nay chưa trả nên buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T nhưng không được nên Toà án đã niêm yết. Theo xác nhận của Công an phường S, tỉnh Đồng Tháp thì bà T đang sinh sống tại địa chỉ số E, N, khóm P, phường S, tỉnh Đồng Tháp. Mặc dù bà T vắng mặt nhưng qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như Toà án thu thập, thể hiện bà T có vay của bà L số tiền 5.000.000đ vào ngày 02/01/2025, đã trả 500.000đ, còn 4.500.000đ đến nay chưa trả. Qúa trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cũng không gởi văn bản phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, từ đó cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình trong vụ án này nên phải chịu hậu quả.

[2.3] Bà L không yêu cầu bà T trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L là buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L 4.500.000đ là phù hợp với Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ cho bà Lưu Thị L 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu mức lãi suất theo quy định Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho bà Lưu Thị Luyến 3 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003670 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2026). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh, KV8;
- CCTHADS Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA